SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 1887 /TM. BVNĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 19 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm

Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ điều trị sử dụng tại Bệnh viện trong thời gian xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2026, cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ.

2. Thông tin tiếp nhận báo giá: DS. Nguyễn Thị Phượng Châu, khoa Dược – Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, số 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923.748393

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi bản giấy báo giá có đóng dấu và gửi kèm theo bảng mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có) về nơi tiếp nhận báo giá có thông tin ít nhất như *phụ lục 02*, ngoài phong bì ghi: **Bản báo giá cung cấp hóa chất/ vật tư y tế** và đồng thời gởi file Excel báo giá về địa chỉ mail: kduoc.bvndct@gmail.com

Danh mục hóa chất/ vật tư/ trang thiết bị y tế: *chi tiết phụ lục 01 đính kèm.*

4. Thời gian tiếp nhận báo giá từ 9 giờ 00 phút ngày 20 tháng 10 năm 2026 đến trước 9 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2026 (12 ngày kể cả thứ 7, chủ nhật, lễ, tết)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

Rất mong nhận được sự quan tâm của các Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
-Như kính gửi;
-Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BS.CKII. Ông Huy Thanh

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ MUA BỔ SUNG

(Đính kèm Thư mời Báo giá số 1887/TM.BVNĐ ngày 19 tháng 10 năm 2026)

STT	Danh mục Vật tư y tế - Hóa chất	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
I. HÓA CHẤT MÁY ĐƠN VỊ					
I.1. BỘ KIT TÁCH CHIẾT VÀ PHÁT HIỆN ĐA TÁC NHÂN VI KHUẨN GÂY VIÊM MÀNG NÃO DÙNG TRÊN MÁY REAL-TIME PCR CFX96 (02 mặt hàng)					
1	Bộ kit tách chiết acid nucleic dạng ống sử dụng cho máy tách chiết tự động	Bộ kit tách chiết axit nucleic dạng ống cho máy tách chiết tự động - Mẫu đầu vào: mẫu mô, huyết thanh, huyết tương, dịch ngoáy tỵ hầu, dịch hút tỵ hầu, rửa phế quản phế nang (BAL), nước tiểu, phân, phết trực tràng, đờm, máu toàn phần, phết sinh dục (âm đạo, cổ tử cung, niệu đạo), LBC, dịch não tủy (CSF), nước bọt Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	2	
2	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây viêm màng não	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: H. influenzae, S.pneumoniae, L. monocytogenes, N. meningitidis, GBS, E.coli K1 - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch não tủy (CSF) Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hóa chất tương thích sử dụng được trên máy Real time PCR CFX96	Test	200	
I.2. BỘ KIT PHÁT HIỆN VÀ PHÂN BIỆT 6 TÁC NHÂN GÂY VIÊM ĐƯỜNG HÔ DÙNG TRÊN MÁY REAL-TIME PCR CFX96 (01 mặt hàng)					

3	Bộ kit xét nghiệm phát hiện và phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp dưới bằng phương pháp Realtime PCR	- Mục đích sử dụng: Bộ kit xét nghiệm phát hiện và phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp dưới bao gồm Klebsiella pneumoniae, Streptococcus pneumoniae, Haemophilus influenzae, Pseudomonas aeruginosa, Legionella pneumophila and Staphylococcus aureus bằng phương pháp Realtime PCR - Độ nhạy cao: + Klebsiella pneumoniae: ≥ 900 CFU/ml + Streptococcus pneumoniae: ≥ 15 CFU/ml + Haemophilus influenzae: ≥ 625 CFU/ml + Pseudomonas aeruginosa: ≥ 675 CFU/ml + Legionella pneumophila: ≥ 340 CFU/ml + Staphylococcus aureus: ≥ 2875 copies/ml - Sử dụng đối chứng nội nội sinh GAPDH Gene - Mẫu đầu vào: mẫu đờm - Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD Hóa chất tương thích Sử dụng được trên máy Real time PCR CFX96	test	**168**	
I.3. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU 10 THÔNG SỐ TRÊN MÁY AE- 4020 (03 mặt hàng)					
4	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số: GLU; PRO; BIL; URO; pH; S.G; BLO; KET; NIT; LEU. Tiêu chuẩn ISO 13485 Hóa chất tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu AE-4020 .	test	**5.000**	
5	Vật liệu kiểm soát dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu có ≥ 2 mức nồng độ Tiêu chuẩn ISO 13485 Hóa chất tương thích sử dụng được trên máy xét nghiệm nước tiểu AE-4020	ml	**100**	
I.4. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐO TỐC ĐỘ MÁU LẮNG TRÊN MÁY TỰ ĐỘNG MONOTR-100 (03 mặt hàng)					
6	Ống máu lắng chân không	Ống thủy tinh kích thước tương đương 8x120 mm, chân không, được tiệt trùng, sử dụng thực hiện xét nghiệm tốc độ máu lắng chứa 0.32 mL chất chống đông dung dịch Natri citrate (3.2%). Thể tích mẫu: 1.28mL; Tiêu chuẩn : ISO 13485 Tương thích với máy xét nghiệm máu lắng tự động MONOTR-100	ống	**500**	
7	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng tốc độ máu lắng	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng, mức nồng độ 1 - Thành phần: hồng cầu của người trong huyền phù - Dạng dung dịch - Giám sát độ chính xác của cả phương pháp thủ công hoặc tự động để đo tốc độ máu lắng - Có giá trị cho hơn 20 phương pháp thủ công và tự động, bao gồm cả Westergren và Wintrobe - Lọ tối thiểu 9ml - Độ ổn định sau khi mở nắp tối thiểu 31 ngày khi bảo quản ở 18-30°C - Hạn sử dụng tối thiểu 540 ngày kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 18-30°C Tương thích với máy xét nghiệm máu lắng tự động MONOTR-100	Lọ	**1**	

8	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng tốc độ máu lắng	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng, mức nồng độ 2 - Thành phần: hồng cầu của người trong huyền phù - Dạng dung dịch - Giám sát độ chính xác của cả phương pháp thủ công hoặc tự động để đo tốc độ máu lắng - Có giá trị cho hơn 20 phương pháp thủ công và tự động, bao gồm cả Westergren và Wintrobe - Lọ tối thiểu 9ml - Độ ổn định sau khi mở nắp tối thiểu 31 ngày khi bảo quản ở 18-30° C - Hạn sử dụng tối thiểu 540 ngày kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 18-30° C Tương thích với máy xét nghiệm máu lắng tự động MONOTR-100	Lọ	**1**	
I.5. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI ĐỒ 5 thông số (Na/K/Cl/Ca/Li) Trên máy EASYLYTE MEDICA (04 mặt hàng)					
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	Bộ thuốc thử xét nghiệm (Na / K / Cl / Ca / Li) sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl−), Canxi (Ca ++) và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Chỉ Cl-) tương thích với máy xét nghiệm điện giải EasyLyte -Medica. Thể tích thuốc thử tối thiểu 800ml/ hộp Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 ; FDA ; Xuất xứ: G7	ml	**8.000**	
10	Hóa chất rửa hàng ngày dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải. tương thích với máy xét nghiệm điện giải EasyLyte -Medica. Đạt tiêu chuẩn ISO ; FDA ; Xuất xứ: G7	ml	**200**	
11	Điện cực Ca	Điện cực Ca+ được sử dụng để đo nồng độ Canxi trong mẫu huyết thanh, huyết tương dùng cho máy xét nghiệm EasyLyte Đạt tiêu chuẩn ISO ; FDA ; Xuất xứ: G7	Cái	**2**	
12	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải 5 thông số (Na/K/Cl/Ca/Li) để so sánh các giá trị ion tương thích với máy xét nghiệm điện giải EasyLyte Đạt tiêu chuẩn ISO & FDA; Xuất xứ: G7	Cái	**2**	
I.6. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH VI KHUẨN - KHÁNG SINH ĐỒ TỰ ĐỘNG TRÊN HỆ THỐNG PHOENIX M50 (02 mặt hàng)					

13	Thanh định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn Streptococcus	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, PhenicoL, Quinolone, Oxazolidinone, Glycopeptide, Tetracycline, Folate Antagonist - Bảo quản ở 15 - 25°C. Tiêu chuẩn ISO 13485 Hóa chất tương thích hệ thống định danh kháng sinh đồ tự động Phoenix M50	Test	**400**	
14	Canh trường kháng sinh đồ cho vi khuẩn Strep	Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): tối thiểu có Casein của Pancreatic Digest, Peptones và Supplement; Thymidine Phosphorylase, Polysorbate - Bảo quản ở 2 - 25°C. Tiêu chuẩn ISO 13485 Hóa chất tương thích hệ thống định danh kháng sinh đồ tự động Phoenix M50	Ống	**400**	
I.7. HÓA CHẤT PHÂN TÍCH KHÍ MÁU TỰ ĐỘNG TRÊN MÁY GEM 3000 (02 mặt hàng)					
15	Hóa chất dùng cho máy phân tích khí máu và Hct. Đo các thông số: pH, pCO2, pO2, Hct	Bộ hóa chất tích hợp các cảm biến đo pH, pCO2, pO2, Hct và thuốc thử hiệu chuẩn dùng để đo khí máu, Hct trong máu toàn phần, với các thông số như sau: pH, PCO2, PO2, Hct - Thể tích mẫu thử : 135 µL/Test - Giá trị các thông số đo như sau : + pH : 6.8 -7.8 + PO2 : 0-760 mmHg + PCO2 : 5 -115 mmHg + Hct : 15 -65 % Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA/CE Hóa chất tương thích máy phân tích khí máu GEM 3000	test	**3.000**	
16	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy phân tích khí máu	Hộp hóa chất chuẩn tối thiểu có 3 mức độ dùng để kiểm chuẩn cho máy phân tích khí máu. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA/CE Tương thích với máy phân tích khí máu tự động GEM Primer 3000	ml	**60**	
I.8. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG COALAB 1000 - hãng LaBiTec (07 mặt hàng)					
17	Hóa chất xét nghiệm PT	Thuốc thử xét nghiệm Xác định thời gian prothrombin (PT) trong mẫu huyết tương người Thromboplastin động vật đông khô với nồng độ cuối cùng tối thiểu 10 mM canxi clorua.. Tương thích với máy xét nghiệm đông máu tự động Coalab 1000	Test	**4.800**	

18	Hóa chất xét nghiệm APTT	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian Thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) + R1: Rabbit brain cephalin, Micronised silica, Buffered medium with preservative, Lyophilised. + R2: Calcium chloride tối thiểu 25 mmol/L, Buffered medium with preservative. TCCL: ISO, CE Tương thích với máy xét nghiệm đông máu tự động Coalab 1000	Test	**4.000**	
19	Dung dịch rửa kim	Hóa chất dùng để làm sạch trạm rửa, ống thải, Pitte, có thành phần Aqueous Solution hàm lượng tối thiểu 99,0% Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hóa chất tương thích với máy đông máu COALAB 1000.	mL	**600**	
20	Dung dịch rửa máy	Hóa chất dùng để rửa thường xuyên pipettor, có thành phần HCLtối đa 0,3%, Detergent tối thiểu 0,02% Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hóa chất tương thích với máy đông máu COALAB 1000.	mL	**1.125**	
21	Cóng đo phản ứng	Cóng đo phản ứng máy tự động tương thích với máy đông máu COALAB 1000	Cái	**11.520**	
22	Hóa chất kiểm chuẩn mức bình thường cho máy xét nghiệm đông máu tự động	Dung dịch kiểm chuẩn mức bình thường cho máy xét nghiệm đông máu. Bao gồm các chỉ số Prothrombin Time, APTT, Fibrinogen, Thrombin Time. Tương thích với máy xét nghiệm đông máu tự động Coalab 1000	mL	**6**	
23	Hóa chất kiểm chuẩn mức không bình thường cho máy xét nghiệm đông máu tự động	Dung dịch kiểm chuẩn mức bệnh lý cho máy xét nghiệm đông máu. Bao gồm các chỉ số Prothrombin Time, APTT, Fibrinogen, Thrombin Time. Tương thích với máy xét nghiệm đông máu tự động Coalab 1000	mL	**6**	
I.9. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG 46 thông số trên hệ thống ADVIA 2120i (08 mặt hàng)					
24	Hóa chất tạo dòng chảy tế bào, tham gia vào quá trình phân tích hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và hồng cầu lưới	Hóa chất dùng cho quá trình background và pha loãng mẫu thử. Tạo vỏ bao phủ quang học cho các phương pháp Baso, RBC / Platelet và Reticulocyte. Dung dịch nền cho phương pháp Hemoglobin sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất tối thiểu 120 mẫu/giờ. Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất 45 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG. Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**660.000**	

25	Hóa chất dùng cho phương pháp đếm tế bào trên hệ thống huyết học tự động	Hoá chất định lượng các thông số trong quá trình phân tích công thức máu sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất tối thiểu 120 mẫu/giờ.: + Hóa chất tham gia vào quá trình phân tích bạch cầu. + Giảm sự tích tụ bọt trong thùng chứa chất thải. + Hoá chất pha loãng và tham gia vào quá trình đo hồng cầu và tiểu cầu. + Hóa chất ly giải các tế bào hồng cầu và tế bào bạch cầu. + Hoá chất dùng định lượng nồng độ Hemoglobin. Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất 45 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG. Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**118.500**	
26	Hóa chất dùng để cố định bạch cầu, bách phân bạch cầu, ly giải hồng cầu	Hoá chất dùng để phân tích thành phần bạch cầu trong xét nghiệm huyết học sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất tối thiểu 120 mẫu/giờ: + Ly giải các tế bào hồng cầu và cố định các tế bào bạch cầu + Nhuộm peroxidase trong nhân bạch cầu trung tính, bạch cầu ái toan và bạch cầu đơn nhân, tham gia vào quá trình phân tích các thành phần bạch cầu Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất 90 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG. Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**99.770**	
27	Hóa chất tạo dòng chảy tế bào, tham gia vào quá trình phân tích các thành phần bạch cầu	Hóa chất tham gia quá trình phân tích bạch cầu, hỗ trợ cho việc nhuộm tế bào cho kênh đo bách phân bạch cầu giúp đo chính xác hình thái tế bào - Bao phủ và tạo dòng chảy của mẫu, đảm bảo chỉ 1 tế bào tại 1 thời điểm có thể đi qua điểm phát hiện - Ngăn ngừa tiếp xúc giữa dòng chảy của mẫu và thành flowcell, ngăn ngừa bị tắc và làm xỉn màu flowcell - Cung cấp môi trường trong suốt về mặt quang học mà dòng chảy của mẫu có thể được tập trung rõ ràng Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất 90 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG. Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**32.724**	

28	Hóa chất rửa	Hóa chất sử dụng cho quá trình rửa hệ thống máy xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi trên máy đếm laser tự động, shutdown, rửa sạch toàn bộ hệ thống đường dẫn và các buồng đếm, tham gia trong quá trình bảo trì hệ thông. Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất 90 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**32.400**	
29	Bộ mẫu chứng huyết học ngưỡng thấp	Chất kiểm chuẩn huyết học: sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức thấp là vật liệu tham chiếu huyết học được dùng để theo dõi độ chụm và độ chính xác của các hệ thống Huyết học ADVIA 120/2120/2120i. Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất14 ngày ở 2-8°C Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG. Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**24**	
30	Bộ mẫu chứng huyết học ngưỡng trung bình	Chất kiểm chuẩn huyết học: sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức bình thường là vật liệu tham chiếu huyết học được dùng để theo dõi độ chụm và độ chính xác của các hệ thống Huyết học ADVIA 120/2120/2120i. Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất 14 ngày ở 2-8°C Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG. Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**24**	
31	Bộ mẫu chứng huyết học ngưỡng cao	Chất kiểm chuẩn huyết học: sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức cao là vật liệu tham chiếu huyết học được dùng để theo dõi độ chụm và độ chính xác của các hệ thống Huyết học ADVIA 120/2120/2120i. Độ ổn định sau khi mở nắp ít nhất 14 ngày ở 2-8°C Tiêu chuẩn ISO 13485, CFG. Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động 46 thông số ADVIA 2120i.	ml	**24**	
I. 10. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG SỬ DỤNG TRÊN MÁY RX MODENA (19 mặt hàng)					
32	Hóa chất xét nghiệm Định lượng ALT/GPT	Hóa chất xét nghiệm Định lượng ALT/GPT; phương pháp đo JSCC; dải đo 3~1,000 U/L; Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 43.7 U/L ALT là <= 1.58% và mức nồng độ 136.1 U/L ALT là <= 1.32% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 43.7 U/L ALT là <= 3.17% và mức nồng độ 136.1 U/L ALT là <= 2.38% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động-RX Modena	Test	**24.000**	

33	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AST/GOT; phương pháp đo JSCC; dải đo 5~1000 U/L; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 40.2 U/L AST là <= 1.25% và mức nồng độ 178.1 U/L AST là <= 0.80% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 40.2 U/L AST là <= 2.67% và mức nồng độ 178.1 U/L AST là <= 2.00% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động-RX Modena	Test	**24.000**	
34	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic); phương pháp đo SOD/POD; dải đo 8.84 - 8840 µmol/L. CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 76.5 µmol/L CRE là <= 1,54% và mức nồng độ 269.8 µmol/L CRE là <= 1.22% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 76.5 µmol/L CRE là <= 2.45% và mức nồng độ 269.8 µmol/L CRE là <= 1.79% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động-RX Modena	Test	**15.000**	
35	Hóa chất xét nghiệm Định lượng RF	Hóa chất xét nghiệm Định lượng RF; phương pháp đo miễn dịch độ đục latex; dải đo 3 - 120 IU/mL; CV%: Run. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; to run CV<=5.12%, Total CV<=5.0% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động-RX Modena	Test	**440**	
36	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm RF	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm RF: có ≥ 5 mức nồng độ ; Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động-RX Modena	mL	**5**	
37	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin; phương pháp đo Đo độ đục; dải đo Up to 450 ng/mL; CV%: 0 Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động-RX Modena	Test	**3.240**	
38	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Magie	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Magie; phương pháp đo Direct colorimetric: 0.04 - 10 mg/dL; Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; 960 Test/Hộp; CV%: Repeatability CV<=1.2%; Between days CV<=1.0%, Total CV<=2.6% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động-RX Modena	Test	**3.840**	

39	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Lactate dehydrogenase	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Lactate dehydrogenase; phương pháp đo IFCC; dải đo 3~1,000 U/L; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 148.3 U/L LDH là <= 1.06% và mức nồng độ 307.8 U/L LDH là <= 0.47% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 148.3 U/L LDH là <= 3.60% và mức nồng độ 307.8 U/L LDH là <= 2.32% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**750**	
40	Hóa chất xét nghiệm Định lượng URE (Bun)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng URE (Bun); phương pháp đo Urease/GLDH; dải đo 0.36 - 71.42 mmol/L; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 4.75 mmol/L UN là <= 2.46% và mức nồng độ 12.52 mmol/L UN là <= 1.00% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 4.75 mmol/L UN là <= 2.22% và mức nồng độ 12.52 mmol/L UN là <= 1.43% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**6.000**	
41	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Zinc	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Zinc; phương pháp đo Colorimetric without deproteinization, dải đo: 5 - 2000 µg/dL; CV%: Repeatability CV<=1.7%; Between days CV<=2.1%, Total CV<=2.9% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**800**	
42	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Total Protein	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Total Protein ; phương pháp đo CuSO4; dải đo 1 - 150 g/L; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 63.50 g/L Total Protein là <= 0.66% và mức nồng độ 102.60 g/L Total Protein là <=0.48% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 63.50 g/L Total Protein là <= 1.75% và mức nồng độ 102.60 g/L Total Protein là <=1.49% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**6.000**	
43	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Albumin; phương pháp đo BCG; dải đo 1 ~ 70 g/L; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 40.93 g/L Albumin là <= 0.71% và mức nồng độ 65.61 g/L Albumin là <= 0.48% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 40.93 g/L Albumin là <= 1.86% và mức nồng độ 65.61 g/L Albumin là <= 1.44% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**7.200**	

44	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Glucose (Hexokinase)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Glucose (Hexokinase); phương pháp đo HK/G6D-PH Method; dải đo 0.02 - 66.6 mmol/L; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 4.40 mmol/L Glucose là <= 0.81% và mức nồng độ 10.60 mmol/L Glucose là <= 0.82% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 4.40 mmol/L Glucose là <= 1.21% và mức nồng độ 10.60 mmol/L Glucose là <= 1.25% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**6.000**	
45	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Ammonia	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Ammonia; phương pháp đo Enzymatic; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**1.500**	
46	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Acid uric	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Acid uric; phương pháp đo Uricase/POD; dải đo 5.95 - 5950 µmol/L; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 293.7 µmol/L Uric Acid là <= 1.08% và mức nồng độ 665.0 µmol/L Uric Acid là <= 0.64% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 293.7 µmol/L Uric Acid là <= 2.48% và mức nồng độ 665.0 µmol/L Uric Acid là <= 1.82% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**800**	
47	Hóa chất xét nghiệm Định lượng L-Cholesterol (LDL-c)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng L-Cholesterol (LDL-c); phương pháp đo Inhibition/Direct; dải đo 0.13 - 15.6 mmol/L.; CV%: Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 2.43 mmol/L LDL là <= 0.90% và mức nồng độ 3.80 mmol/L LDL là <= 0.72% Kết quả CV(%) (của độ tái lặp) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 2.43 mmol/L LDL là <= 2.45% và mức nồng độ 3.80 mmol/L LDL là <= 2.07% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**800**	
48	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Direct Bilirubin	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Direct Bilirubin; phương pháp đo Diazo with Sulphanilic Acid (Jendrassik-Grof); dải đo 0.05 - 20 mg/dL; CV%: Repeatability CV<=1.0%; Between days CV<=2.1%, Total CV<=2.5% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**1.520**	

49	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Total Bilirubin;	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Total Bilirubin; phương pháp đo Diazo with Sulphanilic Acid (Jendrassik-Grof); dải đo 0.05 - 20 mg/dL; CV%: Repeatability CV<=1.1%; Between days CV<=3.9%, Total CV<=4.1% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	**2.660**	
50	Alkaline Washing Solution	Dung dịch kiềm sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Noniocic Surfactant, others Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	mL	**15.000**	
I.11. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG SỬ DỤNG TRÊN MÁY ACCESS 2 (25 mặt hàng)					
51	IVD đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch	Sản phẩm được dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động . Thành phần tối thiểu có: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, … Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**117.000**	
52	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Sản phẩm được dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động . Thành phần tối thiểu có : dung dịch đệm, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	ml	**2.080**	
53	IVD là giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Giếng phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 Ml. Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	giếng	**15.680**	
54	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương (heparin) người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme hai vị trí (kiểu "sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,2–1500 ng/mL [µg/L]; Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	test	**3.000**	
55	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phầntối thiểu có: Chất nền albumin huyết thanh động vật đệm có chất hoạt động bề mặt, tối thiểu các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 10, 50, 200, 500, 1500 ng/mL. Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**24**	

56	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg)	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch một bước ("sandwich"); Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	test	**1.500**	
57	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: enzym miễn dịch một bước ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0-750 mIU/mL; Thành phần tối thiểu có: Các hạt thuận từ phủ kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B, trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	test	**1.500**	
58	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần tối thiểu có: Huyết tương đã loại bỏ fibrin/huyết thanh người, kháng thể kháng HBs tối thiểu các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 10, 20, 50, 250 và 750 mIU/mL Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**15**	
59	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym gián tiếp; Thành phần chính tối thiểu: dung dịch đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, chất cộng hợp Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	test	**500**	
60	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phầntối thiểu có: huyết thanh người âm tính (không phản ứng) dành cho kháng thể kháng HCV, huyết thanh người dương tính (phản ứng) dành cho kháng thể kháng HCV đã được bất hoạt. Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**2**	

61	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,88–30 pg/mL [1,4–46 pmol/L]; Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	test	**500**	
62	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần tối thiểu có: Dung dịch đệm HEPES, protein (động vật), chất hoạt động bề mặt, NaN3, ProClin, T3 tối thiểu các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 1, 2, 5, 10 và 30 pg/mL Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**15**	
63	Thuốc thử xét nghiệm định lượng testosterone	Thuốc thử xét nghiệm định lượng testosterone trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,1 – 16 ng/mL[0,35–55,5 nmol/L]; Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2 Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	test	**500**	
64	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng testosterone	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng testosterone trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần tối thiểu có: Đệm nền albumin huyết thanh động vật, ProClin, natri azid, testosterone tối thiểu các mức nồng độ 0,5; 1,5; 4; 8 hoặc 16 ng/mL. Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**15**	
65	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do trong huyết thanh và huyết tương người (heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme 2 bước; Dải đo: xấp xỉ 0,25-6,0 ng/dL [3,2-77,2 pmol/L]; Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2 Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	test	**600**	
66	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết tương hoặc huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme 2 vị trí gắn kiểu "sandwich"; Dải đo: xấp xỉ 0,005 – 50,0 µIU/mL [mIU/L]; Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2 Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	test	**600**	

67	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết động vật đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin, hTSH tối thiểucác mức nồng độ 0 µIU/mL, xấp xỉ 0,05; 0,3; 3; 15 và 50 µIU/mL Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**15**	
68	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 2,3-27027 pg/mL; Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2 Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	test	**1.000**	
69	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh động vật) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp troponin tái tổ hợp tối thiểu các mức nồng độ cTnI xấp xỉ 30,7; 144; 567; 2293; 9280 và 27027 pg/mL.Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**9**	
70	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LH trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,2–250 mIU/mL [IU/L]; Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2 . Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	test	**500**	
71	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh động vật có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, hLH tối thiểu các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 2, 10, 25, 100 và 250 mIU/mL (IU/L) Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7 Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**24**	
72	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FSH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FSH trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (kiểu "sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,2–200 mIU/mL (IU/L); Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2 Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	test	**500**	

73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh động vật đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, hFSH tối thiểu các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 1, 10, 50, 100 và 200 mIU/mL Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	ml	**24**	
74	Thuốc thử xét nghiệm định lượng progesterone	Thuốc thử xét nghiệm định lượng progesterone trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme liên kết cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,1-40 ng/mL [0,32-127,2 nmol/L]; Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2 Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7	test	**500**	
75	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng progesterone	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng progesterone trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: huyết thanh người, natri azid, Cosmocil, progesterone tối thiểu các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 1, 4, 10, 20 và 40 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CFS; G7. Tương thích Sử dụng cho máy máy miễn dịch tự động Access 2	ml	**17**	
II. HÓA CHẤT MÁY LẮP ĐẶT					
II. 1. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH LƯỢNG KHÁNG THỂ IgE ĐẶC HIỆU (≥ 14 DỊ NGUYÊN THỨC ĂN) (01 mặt hàng)					
76	Hóa chất xét nghiệm ≥ 14 dị nguyên cấp độ phân tử của trứng, sữa, đậu phộng bằng kỹ thuật miễn dịch sắc ký thanh giấy	Hóa chất xét nghiệm ≥ 14 dị nguyên cấp độ phân tử của trứng, sữa, đậu phộng . - Dị nguyên cấp độ phân tử trong sữa: α-Lactabumin; β-lactoglobulin; Casein; Albumin huyết thanh bò; ... - Dị nguyên cấp độ phân tử trong trứng: Ovalbumin; Ovomucoid; Conalbumin - Dị nguyên cấp độ phân tử trong đậu phụng: rAra h1; rAra h2; rAra h3; ... - Có vạch nhận biết CCD trên que xét nghiệm -Các hóa chất sau khi mở nắp sử dụng ổn định trong 12 tháng hoặc cho đến khi hết hạn sử dụng - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Sản xuất các nước G7 hoặc tương đương	Test	**240**	Nhà thầu lắp đặp máy khi trúng thầu
II. 2. HÓA CHẤT SỬ DỤNG TRÊN MÁY CẤY MÁU TỰ ĐỘNG (01 mặt hàng)					
77	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật hiếu khí dùng cho trẻ em	Chai cấy máu có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật hiếu khí từ mẫu máu bệnh nhi và các mẫu máu khác có thể tích dưới 3 ml. Có hạt resin hấp phụ thành phần không ion và hạt resin trao đổi cation. Tiêu chuẩn : ISO, FDA	Chai	**1.000**	Nhà thầu lắp đặp máy khi trúng thầu

II. 3. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT THANH HỌC TRÊN HỆ THỐNG ELISA (05 mặt hàng)					
78	Định tính kháng thể viêm não nhật bản dùng cho máy xét nghiệm Elisa	Phát hiện các kháng thể IgM trong huyết thanh người kháng với kháng nguyên tái tổ hợp được dẫn xuất từ JEV (JEV-derived recombinant antigen - JERA) (1-4). Tổng thời gian ủ ≤195 phút, trong đó 180 phút ở 37 độ C và 15 phút ở nhiệt độ phòng. Độ nhạy ≥ 99,0% Độ đặc hiệu ≥ 99,0%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và xuất xứ G7	Test	**192**	Nhà thầu lắp đặp máy khi trúng thầu
79	Định tính Echinococcus IgGdùng cho máy xét nghiệm Elisa	Định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus trong huyết thanh bằng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Loại mẫu: Huyết thanh Tổng thời gian ủ ≤ 20 phút Đọc ở bước sóng 450/650-620nm. Độ nhạy: ≥ 97,0% Độ đặc hiệu: ≥ 91,0% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận FDA	Test	**960**	Nhà thầu lắp đặp máy khi trúng thầu
80	Định tính Strongyloides IgG dùng cho máy xét nghiệm Elisa	Định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides ở huyết thanh hoặc huyết tương người. Loại mẫu: Huyết thanh Tổng thời gian ủ ≤ 20 phút Đọc ở bước sóng 450/620-650nm Độ nhạy ≥ 99,0% Độ đặc hiệu ≥ 99,0% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận FDA	Test	**480**	Nhà thầu lắp đặp máy khi trúng thầu
81	Định tính Toxocara IgG dùng cho máy xét nghiệm Elisa	Bán định lượng để phát hiện kháng thể IgG kháng Toxocara, trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương bằng kỹ thuật xét nghiệm ELISA Loại mẫu: Huyết thanh Tổng thời gian ủ ≤ 20 phút Đọc ở bước sóng 450/620-650nm Độ nhạy ≥ 87,0% Độ đặc hiệu ≥ 93,0% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận FDA	Test	**960**	Nhà thầu lắp đặp máy khi trúng thầu

82	Định lượng Immunoglobulin E dùng cho máy xét nghiệm Elisa	Định lượng immunoglobulin E trong huyết thanh người. Xét nghiệm này được dùng để đánh giá phản ứng nhạy cảm và dị ứng ở người bệnh. Nhiệt độ ủ: 18°C - 25°C Tổng thời gian ủ ≤ 80 phút - Độ lặp lại CV% ≤ 6,7% - Độ tái lặp CV% ≤ 7,3%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và xuất xứ G7	Test	480	Nhà thầu lắp đặp máy khi trúng thầu
Tổng cộng: 82 mặt hàng, tương ứng 14 lô/phần					

Tên công ty: .....
Địa chỉ: .....
Số điện thoại: .....
Mail: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp báo giá; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các Hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các Vật tư y tế - Hóa chất và dịch vụ liên quan

Stt	Mã tham chiếu (1)	Danh mục Vật tư y tế - Hóa chất (2)	Tên thương mại của Vật tư y tế - Hóa chất	Tính năng, thông số kỹ thuật (3)	Đơn vị tính	Mã HS (4)	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu) (5)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng (6)	Đơn giá *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có))*(VNĐ) (7)	Thành tiền có VAT (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14)
1													
2													
3													
n		...	...	....									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các Vật tư y tế - Hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..... ngày ..... tháng ..... năm...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(15)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Ghi theo đúng yêu cầu tại cột "Mã tham chiếu" Phụ lục 01.

Danh mục Vật tư y tế - Hóa chất theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục Vật tư y tế - Hóa chất" Phụ lục 01.

Ghi cụ thể Tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng theo tài liệu liên quan của Hóa chất - Vật tư - Trang thiết bị y tế được báo giá

Ghi cụ thể mã HS của từng Hóa chất - Vật tư - Trang thiết bị y tế được báo giá

Ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của Hóa chất - Vật tư - Trang thiết bị y tế được báo giá tương ứng với chủng loại Vật tư y tế - Hóa chất tại cột "Danh mục Vật tư y tế - Hóa chất".

Ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

Ghi đơn giá báo giá cho từng Hóa chất - Vật tư - Trang thiết bị y tế được báo giá. Đơn giá ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng Hóa chất - Vật tư - Trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.